

CÁC TRỞ NGẠI CHÍNH SAU KHI CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

NGUYỄN THỊ HOÀNG LIÊN(*)



Phiên đấu giá cổ phiếu của Vinamilk

Căn cứ vào Luật DNNN đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003, DNNN được quy định là tổ chức kinh tế do Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới các hình thức như công ty nhà nước hoạt động theo Luật DNNN, công ty cổ phần, công ty TNHH có vốn Nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp hoặc Luật đầu tư nước ngoài. Với khái niệm trên, sức nặng của khối DNNN đã giảm cả về số lượng và tỷ trọng vốn trong cơ cấu nền kinh tế. Tính đến quý 3/2003, toàn bộ 104 Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của các ban ngành, địa phương giai đoạn 2002 - 2005 đã được Thủ tướng phê duyệt. Theo đó, tính đến năm 2005, sẽ còn 1.931 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (chiếm tỷ lệ 41%) và 2.791 doanh nghiệp được sắp xếp lại (59%) với nhiều hình thức như cổ phần hóa, sáp nhập, hợp nhất, giao, bán, khoán, cho thuê, phá sản... Riêng đối với Tổng công ty 90 và 91 được duy trì và sắp

xếp điều chỉnh với con số 18 tổng công ty 91 và 20 trên tổng số 80 tổng công ty 90 hiện nay.

Cũng theo phương án này, đến cuối năm 2005, cơ cấu DNNN được điều chỉnh một bước quan trọng: đại bộ phận các DNNN 100% có quy mô vừa và lớn (vốn nhà nước bình quân khoảng 71 tỷ đồng/doanh nghiệp) tập trung vào các lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng; các tổng công ty sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ là lực lượng chủ lực cung ứng những sản phẩm trọng yếu cho nền kinh tế quốc dân và xuất khẩu, đóng góp lớn cho Ngân sách, đảm bảo ổn định nền kinh tế vĩ mô, làm nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hội nhập thế giới. Tuy nhiên, các phương án còn bộc lộ một số thiếu sót cơ bản như chưa sắp xếp được theo ngành và theo địa bàn; còn duy trì một số DNNN không cần Nhà nước giữ 100% vốn hoặc nắm phần chi phối kể cả một số doanh nghiệp yếu kém; duy trì một số tổng công ty hoạt động không hiệu quả có mức nộp ngân sách và lợi nhuận thấp. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cổ phần hóa đa số đều có quy mô vốn nhỏ nên mục tiêu huy động vốn xã hội vào việc phát triển SXKD còn nhiều hạn chế, chưa thu hút được các nhà đầu tư có tiềm năng về vốn, công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lý... Về mặt thể chế vẫn còn một vài bất cập như chưa tính được giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, sử dụng một phần vốn của doanh nghiệp để hình thành cổ phần không chia của người lao động.

Trong thời gian trên 10 năm thực hiện cổ phần hóa DNNN, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước được đánh giá là giải pháp cơ

(*) Thạc sĩ, Cộng tác viên Tập san Khoa học

bản để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của khu vực doanh nghiệp nhà nước; Sau cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu, các doanh nghiệp không những bảo toàn mà còn tăng đáng kể được vốn, các chỉ tiêu tài chính đều tăng, người lao động tiếp tục có việc làm và tăng thu nhập, cho thấy đây là một chủ trương đúng của Đảng và Nhà nước, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của cải cách doanh nghiệp nhà nước. Một kết quả điều tra trên 850 DNNN đã cổ phần hóa trên một năm gần đây cho thấy: vốn điều lệ tăng từ 44; doanh thu bình quân tăng 23.6%, lợi nhuận tăng 139,76%; nộp ngân sách tăng 24,9%; thu nhập người lao động tăng 12%; cổ tức bình quân đạt 17,11%. Tính trên 2.242 DNNN đã cổ phần hóa, giá trị vốn NN đã được đánh giá lại (chưa kể giá trị quyền sử dụng đất) tăng thêm 18.4% (3.261 tỷ đồng) so với giá trị trên sổ sách. Bên cạnh mặt tích cực, các doanh nghiệp sau chuyển đổi cũng còn gặp nhiều trở ngại, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm chậm tiến trình chuyển đổi sở hữu các doanh nghiệp nhà nước, có thể liệt kê như sau:

1. Vấn đề quản trị và điều hành của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Một số doanh nghiệp sau cổ phần hóa chưa được tổ chức hoạt động theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của công ty cổ phần. Việc điều hành công ty cổ phần còn chưa bài bản thông suốt, vẫn theo phương thức điều hành của doanh nghiệp nhà nước. Việc chọn lựa mô hình có HĐQT hay không có HĐQT, cách điều hành mô hình hoạt động hoàn toàn mới mẻ này cũng như các thông lệ về quản trị doanh nghiệp cổ phần đã gây cho lãnh đạo các doanh nghiệp nhiều lúng túng. Điều này thông thường tồn tại ở các đơn vị mà Nhà nước đang còn nắm giữ cổ phần quá lớn (trên 70%) và chi phối. Nhận thức về công ty cổ phần chưa đúng và chưa đầy đủ, nên các cổ đông hoặc là không sử dụng hết quyền của mình, hoặc là sử dụng quá vai trò, quyền hạn của cổ đông, gây khó khăn cho việc quản lý của HĐQT.

Chưa có hướng dẫn rõ về quyền, nghĩa vụ, cơ chế chính sách đối với doanh nghiệp sau cổ phần hóa, các doanh nghiệp phải vận dụng cơ chế chính sách của doanh nghiệp nhà nước như vấn đề bảo hiểm xã hội, quy chế tài chính, chính sách tiền lương. Vừa qua, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có Thông tư 12/2003/TT

-BLĐTBXH (30/05/2003) hướng dẫn về tiền lương đối với người lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước lại coi công ty cổ phần có trên 50% số vốn của nhà nước như doanh nghiệp nhà nước nên hướng dẫn việc lập, xét duyệt đơn giá tiền lương như đối với doanh nghiệp nhà nước trong khi quy định tại Luật doanh nghiệp cũng như điều lệ công ty cổ phần, Hội đồng quản trị có quyền ban hành và quyết định quy chế tiền lương phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh và Bộ Luật lao động cũng như hợp đồng lao động đã được ký kết.

Còn tình trạng phổ biến là thiếu các nhà đầu tư chiến lược là các cổ đông có năng lực tài chính, có trình độ quản lý và kỹ thuật bên ngoài nắm giữ tỷ lệ cổ phần đủ lớn để tham gia quyết sách, tạo chuyển biến lớn đối với công ty (hiện nay các cổ đông bên ngoài chỉ nắm giữ bình quân là 8% vốn điều lệ của công ty cổ phần). Việc công khai minh bạch các báo cáo tài chính của doanh nghiệp chưa được thực hiện tốt và triệt để, điều này đã và đang làm nản lòng các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, phần lớn các nhà đầu tư muốn đầu tư vào những doanh nghiệp đã cổ phần hóa đều muốn những công ty này sớm niêm yết để tăng tính thanh khoản và có nơi giao dịch mà hiện nay hiện tượng các công ty cổ phần hóa đều chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán là phổ biến. Trường hợp phát hành cổ phiếu của Ngân hàng thương mại CP Xuất nhập khẩu (Eximbank) để nâng vốn điều lệ từ 300 lên 500 tỷ đồng vào cuối năm 2004, đối tượng nhắm tới trong đợt phát hành cổ phiếu 10 tỷ đồng được bán đấu giá trực tiếp chính là các nhà đầu tư chiến lược, đặc biệt là các cổ đông pháp nhân như: Vietcombank, Ngân hàng Á châu, Petec, SJC, Saigontourist... cũng đã đạt được mục tiêu đã đề ra. Trong đợt đấu giá khai trương đầu năm của Trung tâm giao dịch Chứng khoán TP. HCM, 1.827.000 cổ phiếu của Công ty CP Sữa Việt Nam Vinamilk đã được 8 nhà đầu tư nước ngoài mua với tổng giá trị 572 tỷ đồng. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho Thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung đánh dấu sự có mặt của các nhà đầu tư chiến lược tham dự vào quá trình cổ phần hóa các DNNN và mang lại lợi ích lớn lao cho doanh nghiệp cũng như Nhà nước đối với số vốn hiện đang sở hữu.

Việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông diễn ra tự do không đúng luật, điều lệ công ty, làm cho lãnh đạo công ty cổ phần

không kiểm soát được. Đặc biệt đối với các cổ đông được mua cổ phiếu ưu đãi là đại lý, nông dân là nhà cung cấp nguyên liệu của các DNNN cổ phần hóa trong thời gian chưa được phép chuyển nhượng của Luật pháp do lợi ích cá nhân đã sang tay trái phép dẫn đến việc quản lý cơ cấu vốn của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn.

2. Vai trò quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp sau chuyển đổi đã có sự thay đổi về nhận thức tuy nhiên lại không xác định rõ được cơ quan nào là đầu mối để tổng hợp và giải quyết các vướng mắc cho doanh nghiệp, chịu trách nhiệm tuyên truyền cung cấp thông tin, phổ biến chính sách để doanh nghiệp tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng pháp luật, chịu trách nhiệm kiểm tra giám sát các doanh nghiệp trong việc tuân thủ pháp luật, cơ quan nào giúp Chính phủ quản lý các doanh nghiệp sau cổ phần hóa. Điều 62 đến điều 72 của Luật DNNN có quy định rõ về quyền và nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với Công ty NN cũng như các DNNN khác. Tuy nhiên, việc mất một cơ quan trung gian là đầu mối để góp phần giải quyết các khó khăn của doanh nghiệp trước đây như Bộ/Ủy ban Nhân dân tỉnh khiến nhiều doanh nghiệp không khỏi hăng hụt.

3. Chưa có sự phân định rõ và nhận thức đúng về người đại diện sở hữu cổ phần nhà nước và người trực tiếp quản lý cổ phần nhà nước tại công ty cổ phần, thẩm quyền và đặc biệt là trách nhiệm của họ. Vì vậy dẫn đến tình trạng không thống nhất trong việc cử người đại diện, cử người đủ thẩm quyền, chưa có chế độ ràng buộc về quyền lợi trách nhiệm của người kiêm nhiệm quản lý cổ phần nhà nước. Thực tế hiện nay cho thấy, đa số các DNNN sau khi cổ phần hóa vẫn giữ nguyên bộ máy lãnh đạo cũ nên việc tạo một động lực, sức sống mới cho doanh nghiệp đòi hỏi sự quyết liệt và thoáng hơn của người đứng đầu doanh nghiệp. Về vai trò của người quản lý cổ phần chi phối, theo thông tư số 64/2001/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2000/NĐ-CP ngày 6 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở các doanh nghiệp khác, quy định số lượng người quản lý trực tiếp phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp khác thường chỉ từ 1 đến 2 người, nhưng theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì các quyết định của Hội đồng quản trị chỉ có giá trị khi có trên 50% ý kiến của các thành viên HĐQT tham gia

biểu quyết tán thành; do đó, người quản lý trực tiếp không có điều kiện bảo vệ các quyền lợi của Nhà nước trong công ty cổ phần.

4. Một số vấn đề tồn đọng của quá trình cổ phần hóa chưa được xử lý dứt điểm như: nợ tồn đọng trước khi cổ phần hóa (nợ tồn đọng nhiều năm do cơ chế cũ để lại, khó có khả năng thu hồi, con nợ còn tồn lại) với con số lên tới 28.785 tỷ đồng nên doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa tiếp tục gặp khó khăn trong công việc đòi nợ, trả lãi đối với các khoản nợ khó đòi này. Đây là một gánh nặng cho các doanh nghiệp sau cổ phần hóa. Việc xử lý khoản lỗ kinh doanh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chuyển sang công ty cổ phần cũng chưa được giải quyết dứt điểm, doanh nghiệp đã hoạt động là công ty cổ phần nhưng vẫn chưa xác định được giá trị thực tế của doanh nghiệp, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Việc công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DACT) trực thuộc Bộ Tài chính với chức năng chính mua bán các khoản nợ tồn đọng bằng thỏa thuận trực tiếp, đấu giá hoặc theo chỉ định của các cấp có thẩm quyền; đồng thời tiếp nhận để xử lý các khoản nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, khoán, bán, cho thuê... đã góp phần giúp doanh nghiệp giải quyết vấn đề trên. Kể từ khi đi vào hoạt động từ năm 2003 đến nay, công ty đã tiếp nhận nợ và tài sản của 63 doanh nghiệp với tổng trị giá 300 tỷ đồng (giá trị còn lại trên sổ sách là 90 tỷ đồng). Trong số này, DACT đã xử lý, thu hồi nộp ngân sách 19,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, việc xử lý nhanh số nợ quá lớn của khối DNNN cộng với khó khăn của việc định giá các tài sản sao cho sát với giá thị trường là một việc làm quá khó và đòi hỏi rất nhiều công sức và thời gian.

5. Thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp nhìn chung còn khó khăn, phức tạp. Do không tính giá trị đất vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, nhất là doanh nghiệp ở các thành phố lớn, có vị trí thuận lợi, đặc địa, nên đã có sự chênh lệch lớn về giá trị cổ phần sau chuyển đổi phát sinh từ đất. Việc xác nhận quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản của công ty cổ phần (trước đây doanh nghiệp nhà nước không quan tâm đến vấn đề này) chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất, nên nhiều địa phương lúng

túng, doanh nghiệp thì gặp khó khăn trong việc sử dụng tài sản để thế chấp vay vốn, cũng như lập các thủ tục đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Như vậy, việc nhanh chóng bổ sung các quy định của Nhà nước về xác định tài sản là giá trị quyền sử dụng đất của doanh nghiệp cho phù hợp với quy định của Luật đất đai mới ban hành năm 2003 là một vấn đề rất cấp bách.

6. Việc duy trì vay vốn tại các tổ chức tài chính gặp nhiều khó khăn

Theo quy định, doanh nghiệp cổ phần hóa được tiếp tục vay vốn tại các ngân hàng thương mại, công ty tài chính, các tổ chức tín dụng của Nhà nước theo cơ chế và lãi suất như đối với doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, trên thực tế, các doanh nghiệp sau cổ phần hóa phải thế chấp tài sản khi vay vốn, trong khi doanh nghiệp nhà nước có thể vẫn được vay tín chấp, mặt khác các doanh nghiệp cổ phần hóa cũng khó tiếp cận một cách bình đẳng như khi

còn là doanh nghiệp nhà nước về các khoản tín dụng, nhất là các khoản vay ưu đãi của Nhà nước. Trong bài báo mới đây của tạp chí Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Bà Nguyễn Thị Sum - Chủ tịch HĐQT Công ty Đường Biên Hòa, đã nêu ra những khó khăn như thế nào của doanh nghiệp muốn vay vốn ngân hàng khi chuyển sang cơ chế công ty cổ phần, nhất là trước đây có sự bảo lãnh từ phía Bộ chủ quản.

Trong tháng 10/2004, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 45 về đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN trong hai năm 2004 - 2005. Việc cụ thể hóa các chương trình, kế hoạch cổ phần hóa tại các ban ngành, địa phương kết hợp với triển khai các mô hình chuyển đổi đa dạng hóa sở hữu thành Công ty TNHH một thành viên, thí điểm cổ phần hóa một số tổng công ty, DNNN có quy mô lớn sẽ góp phần làm bức tranh đổi mới doanh nghiệp ngày càng sáng sủa hơn.

TÓM TẮT

Cổ phần hóa (CPH) là một chủ trương lớn, một giải pháp cực kỳ quan trọng để tạo sự chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hoạt động của DNNN vì nó được coi là một trong những biện pháp hữu hiệu được tiến hành phổ biến nhiều nơi trên thế giới. Trong thời gian trên 10 năm thực hiện cổ phần hóa DNNN tại Việt Nam, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước được đánh giá là giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của khu vực doanh nghiệp nhà nước; Trong quá trình CPH 2.242 DNNN và bộ phận DNNN tính từ năm 1992 đến nay, một mặt vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp được đánh giá lại một cách khách quan, mặt khác, Nhà nước còn huy động được 12.411 tỷ đồng của các cá nhân, tổ chức ngoài xã hội để đầu tư phát triển sản xuất. Sau cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu, các doanh nghiệp không những bảo toàn mà còn tăng đáng kể được vốn, các chỉ tiêu tài chính đều tăng, người lao động tiếp tục có việc làm và tăng thu nhập, cho thấy đây là một chủ trương đúng của Đảng và Nhà nước, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của cải cách doanh nghiệp nhà nước. Vấn đề ở đây là phải đánh giá hết những trở ngại chính khi các DNNN tiến hành chuyển đổi. Bài viết này đề cập đến những khó khăn cơ bản trên.

SUMMARY

Privatization is a significant policy, a very important solution to establish the key transformation for improvement of state-owned enterprise (SOE) operations. This is considered an effective measure and has been applied in many parts of the world. Over the past ten years of privatization implementation in Vietnam, the transfer of SOE ownership has been appraised as the main solution to enhance the effectiveness and competitiveness of the SOE sector. In the process of privatization of 2,242 SOEs and SOE units since 1992 until now, on the one hand, the enterprises have objectively assessed the capital of the state; on the other hand, the State has managed to mobilize 12,411 billion Vietnamese Dong from individuals and organizations in society to invest for production expansion. After privatization and diversifying ownership, the enterprises not only have persevered but also have significantly increased their capital, raised their financial targets; and their employees have retained their jobs and increased their income. This shows that the Party and State has formulated the right policy to meet the practical needs of SOE reforms. The problem now is that we need to assess all the key issues when SOEs carry out the conversion. This article touches on the above-mentioned issues.